

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 08-02-2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Quốc Thống  
Ông Huỳnh Hữu Đoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trần Khánh G, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Chị Trịnh Ngọc H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

ĐKHKT: Ấp 7, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Khánh G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có hai đứa con. Nhưng hiện tại trong cuộc sống hằng ngày vợ chồng luôn bất đồng ý kiến mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi giận dữ, không quan tâm lo lắng cho nhau, không tôn trọng và nhường nhịn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh nhận thấy rằng giữa anh và chị H không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Trịnh Trọng sinh ngày 20/5/2010 và Trần Trọng Tín sinh ngày 25/3/2016. Hiện nay cháu Trọng đang sống với anh và cháu Tín đang sống với chị H. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trọng và đồng ý để chị H tiếp tục nuôi cháu Tín, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 22/12/2020, chị Trịnh Ngọc H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của anh G về việc chị và anh G tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, quá trình mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Chị đồng ý ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Trịnh Trọng sinh ngày 20/5/2010 và Trần Trọng Tín sinh ngày 25/3/2016. Hiện nay cháu Trọng đang sống với anh G và cháu Tín đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tín và đồng ý để anh G tiếp tục nuôi cháu Trọng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 16/12/2020 thể hiện cháu Trần Trịnh Trọng có nguyện vọng sống chung với anh G.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh G và chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh G và chị H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Khánh G và chị Trịnh Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trần Trịnh Trọng (nam) sinh ngày 20/5/2010 và Trần Trọng Tín (nam) sinh ngày 25/3/2016. Hiện nay anh G đang nuôi dưỡng cháu Trọng, chị H đang nuôi dưỡng cháu Tín. Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 16/12/2020, cháu Trần Trịnh Trọng có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh G. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh G và chị H thống nhất thỏa thuận việc anh G tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trọng, chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tín. Trên cơ sở ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, xem xét điều

kiện để phát triển về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Trịnh Trọng cho anh G và giao cháu Trần Trọng Tín cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh G, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Khánh G xin ly hôn với chị Trịnh Ngọc H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Trịnh Trọng (nam) sinh ngày 20/5/2010 cho anh G và giao cháu Trần Trọng Tín (nam) sinh ngày 25/3/2016 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh G, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Trần Khánh G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Anh G đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0006019 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Anh G và chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Ý**